

Bản án số: 106/2026/HS-ST

Ngày: 18 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhung

Ông Nguyễn Bình Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2026/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-HS ngày 02/4/2026, quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST-HS ngày 29/4/2026, quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-HS ngày 29/5/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lao Văn M**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nam; Sinh năm 1979 tại tỉnh Thái Nguyên; Số CCCD: 019079008167 cấp ngày 18 tháng 2 năm 2022, nơi cấp: Cục QLHC về TTXH - Bộ Công an; Nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã N, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không; Con ông: Lao Văn L (Đã chết); Con bà: Lê Thị N (Đã chết); Vợ: Lương Thị O và 03 con: con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 07/9/2012, Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo

đã chấp hành xong thời gian thử thách của án treo và các quyết định khác của bản án, đã được xoá án tích.

Ngày 28/4/2016, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên áp dụng khoản 1 Điều 25 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009, tuyên miễn chấp hành án phạt tù về tội “Đánh bạc” cho bị cáo.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/7/2025 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên, đến ngày 13/2/2026 chuyển về Phân trại tạm giam M2 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Vì Thị T**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1993 tại tỉnh Điện Biên; Số CCCD: 011193013087 cấp ngày 03 tháng 5 năm 2022, nơi cấp: Cục QLHC về TTXH - Bộ Công an; Nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản K, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 07/12; Con ông: Vì Văn H; Con bà: Tòng Thị P; Có chồng là: Quàng Văn P và 03 người con: con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2024; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử phạt vi hành chính.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/11/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Lầu A C; địa chỉ: Thôn H2, xã T4, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
2. Sùng A L; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
3. Sùng A Ph; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
4. Lý A T1; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
5. Sùng A C1; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
6. Giàng A C2; địa chỉ: Thôn H2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
7. Vừ A C3; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
8. Sùng A D; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
9. Sùng A C4; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
10. Sùng A S; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
11. Giàng Thị D1; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
12. Sùng A D2; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
13. Vừ A S; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
14. Giàng A C5; địa chỉ: Thôn H2, xã T4, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
15. Lý A L1; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

16. Lầu A T2; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
17. Chang A Ph1; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
18. Giàng Thị C6; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
19. Giàng Thị S1; địa chỉ: Thôn Đ, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
20. Vừ Thị D3; địa chỉ: Thôn H2, xã T4, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
21. Sùng A X; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
22. Sùng A L2; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
23. Lầu Thị D3; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
24. Sùng Thị D4; địa chỉ: Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
25. Lý A G; địa chỉ: Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
26. Vừ Thị K; địa chỉ: Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
27. Giàng Thị C7; địa chỉ: Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
28. Vừ A D5; địa chỉ: Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
29. Giàng A B; địa chỉ: Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
30. Vừ A D6; địa chỉ: Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
31. Giàng A X1; địa chỉ: Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
32. Vừ A T3; địa chỉ: Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
33. Lò Thị Ph2; địa chỉ: Bản K1, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.
34. Lò Văn O; địa chỉ: Bản G1, xã T4, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
35. Cà Văn Ph3; địa chỉ: Bản K2, phường M2, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
36. Lò Thị X2; địa chỉ: Bản K1, phường Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
37. Lò Thị L3; địa chỉ: Bản K2, phường M2, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
38. Tòng Thị H1; địa chỉ: Bản H2, xã N, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.
39. Vì Thị B1; địa chỉ: Bản Chả A, xã P, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lao Văn M là người không biết chữ, thường xuyên đi làm tại nhiều địa phương khác nhau nên có nhu cầu đăng ký để học, thi, cấp giấy phép lái xe hạng A1. Năm 2024, trong lúc đi ăn tại quán ăn ở xã N1, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên), Lao Văn M nghe thấy người khác nói chuyện về việc thi giấy phép lái xe cho người không biết chữ, tổng lệ phí hết 2.200.000 đồng. Đến khoảng tháng 12/2024 trong lúc gặp bà Tòng Thị P1, M có

đưa ra thông tin có thể giúp người không biết chữ thi và cấp giấy phép lái xe hạng A1, nên bà P1 thông tin cho con gái Vì Thị T biết để liên hệ với M. Khi T gọi điện thì M đưa ra thông tin có thể giúp người không biết chữ đăng ký, thi để cấp giấy phép lái xe hạng A1, không phải thi lý thuyết, chỉ cần thi thực hành, khi đi thi thực hành M sẽ dẫn đi thi để đảm bảo thi đỗ. Nếu T và người khác muốn đăng ký thì nộp cho M ảnh 3x4, ảnh 4x6, phôi tô hai mặt căn cước công dân và nộp lệ phí mỗi người 2.500.000 đồng. Mục đích của M, để sau khi nhận được tiền và thông tin M sẽ đi nộp hồ sơ và đăng ký cho người có nhu cầu thi giấy phép lái xe hạng A1 để được hưởng số tiền công và tiền chênh lệch khoảng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Sau đó, T trao đổi nội dung này cho những người quen và họ hàng là Lò Thị P, Lò Thị X, Lò Văn Q và Cà Văn P biết. Năm người đồng ý nộp tiền và hồ sơ cho M để đăng ký thi giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng cuối tháng 12/2024, Vì Thị T và Cà Thị P đến bản P1, xã N, tỉnh Điện Biên gặp M đồng thời nộp ảnh, bản phôi tô căn cước công dân và số tiền của 05 người là 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho M. Chị Vì Thị B, chị Tòng Thị H trực tiếp nộp ảnh, bản phôi tô căn cước công dân và mỗi người 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho M.

Sau đó, M thỏa thuận với T tiếp tục tìm người có nhu cầu đăng ký thi giấy phép lái xe hạng A1 để nộp cho M, M sẽ trả công cho T. T liên hệ với nhiều người để giới thiệu có thể giúp người không biết chữ đăng ký, thi giấy phép lái xe hạng A1, chi phí hết khoảng 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), người đăng ký chỉ cần thi thực hành, không cần thi lý thuyết. Đến ngày 06/01/2025, Vì Thị T đến gặp và đưa cho M số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) và ảnh, bản phôi tô căn cước công dân của 10 người để đăng ký thi giấy phép lái xe, M chia cho T 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

T tiếp tục đưa ra thông tin như trên để tìm người thi lái phép lái xe hạng A1. Đã có 24 người đã nộp tiền, ảnh chân dung, ảnh căn cước công dân cho T. Sau khi thu được tiền, trong tháng 01/2025, T mang hồ sơ của 24 người cùng số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến nộp cho M. M cho T 2.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ảnh và bản phôi tô căn cước công dân của 41 người, M đến Trung tâm tiếp nhận hồ sơ và sát hạch lái xe hạng A1 Điện Biên, tại Phường Đ, tỉnh Điện Biên để liên hệ và nộp hồ sơ đăng ký. Tuy nhiên, M được nhân viên của Trung tâm thông tin về việc chưa mở lớp đào tạo, sát hạch giấy phép lái xe hạng A1 dành cho người không biết chữ. Sau khi nộp tiền và hồ sơ do thời gian dài chưa được thi sát hạch lái xe nên nhiều người đã liên hệ để hỏi T. T nhiều lần liên lạc hỏi M, nhưng M trả lời chưa có lớp.

Đến ngày 22/02/2025, M mở ứng dụng Facebook xem thì nhìn thấy 01 video có âm thanh, nội dung quảng cáo làm được giấy phép lái xe, thủ tục đơn giản, không cần thi, chi phí thấp. M ấn vào video thì nhận được tin nhắn trả lời và lời mời kết bạn từ tài khoản “GPLX Hoàng Long”. M nhờ người không quen

biết đọc và trả lời tin nhắn giúp M. Sau đó, tài khoản Zalo có tên “*Hoàng Long*” liên lạc qua Zalo với M, cung cấp thông tin về việc làm được giấy phép lái xe hạng A1, quét được mã QR. Nếu M có nhu cầu chỉ cần gửi ảnh căn cước công dân, ảnh chân dung qua ứng dụng Zalo cho tài khoản “*Hoàng Long*”, sau đó không cần phải đăng ký, học, thi sát hạch mà sẽ được cấp giấy phép lái xe hạng A1. Giấy phép lái xe sau khi làm xong sẽ gửi qua bưu điện, nội dung bên ngoài ghi “*Bản vẽ thiết kế, hàng thời trang*” để tránh bị cơ quan chức năng phát hiện. Sau khi nhận, kiểm tra giấy phép lái xe mới thanh toán cho nhân viên bưu điện số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/01 giấy phép lái xe. M đồng ý, đồng thời liên lạc yêu cầu T chụp ảnh căn cước công dân, ảnh chân dung của những người đã nộp hồ sơ để gửi qua ứng dụng Zalo cho M. Sau khi nhận được ảnh từ T, M chuyển tin nhắn thông tin của 30 người qua ứng dụng Zalo đến tài khoản “*Hoàng Long*”. M liên lạc và đọc thông tin để làm giả giấy phép lái xe hạng A1 cho 08 người, chi phí 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng), đồng thời cung cấp thông tin người nhận và địa chỉ của M, để nhận giấy phép lái xe giả.

Để những người nộp hồ sơ không nghi ngờ, M còn bảo T thu thêm mỗi người đã nộp hồ sơ số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), để không phải đi thi lý thuyết và thực hành, giấy phép lái xe sẽ được chuyển đến từng người. Khi biết M làm giấy phép lái xe mà không phải thi, T biết là giấy phép lái xe giả nhưng vẫn đồng ý giúp M đưa ra thông tin để thu thêm mỗi người số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). T gọi điện, nhắn tin và thông báo cho những người đã nộp tiền, hồ sơ thi giấy phép lái xe về việc nộp thêm tiền để không phải thi mà vẫn được cấp và gửi giấy phép lái xe cho từng người. Khi nhận được thông tin nhiều người cho rằng giấy phép lái xe là giả nhưng T và M đều cam kết giấy phép lái xe thật và sử dụng được. Đầu tháng 3/2025, có 36 người đồng ý nộp thêm số tiền 7.200.000 đồng cho T, sau đó T chuyển cho M.

Ngày 04/3/2025, M đến Bưu điện văn hóa Na Tông, thuộc xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên để nhận giấy phép lái xe giả. Tại đây, M nhận được Bưu phẩm ghi người gửi là “*Shop Thanh Phong*”, tên hàng là “*Bản vẽ thiết kế, hàng thời trang*” từ nhân viên Bưu điện. M mở một góc ra xem thì thấy có 08 giấy phép lái xe cùng hồ sơ kèm theo nên đã thanh toán số tiền 7.000.000 đồng. Sau khi mang về nhà M mở ra kiểm tra thì thấy bên trong có 08 giấy phép lái xe hạng A1, kèm theo 08 bộ hồ sơ, mỗi bộ gồm 03 tờ giấy khổ A4, nhưng M không biết chữ nên không biết nội dung các tờ giấy đó là gì. M gọi báo cho T đến gặp M để nhận giấy phép lái xe. Sau đó T cùng chị Lò Thị T, chị Lò Thị P và anh Quảng Văn Đ đến nhà M để nhận giấy phép lái xe. Tại đây, M giao 05 giấy phép lái xe cho T và chị P. Sau khi nhận giấy phép lái xe, anh Đông mang ra xem thì thấy không giống với giấy phép lái xe của mình nên nói “*giấy phép lái xe mà không phải thi là giấy phép lái xe giả*” nhưng do M cam đoan là thật nên mọi người vẫn nhận.

Sau khi giao 07 giấy phép lái xe giả cho T, M tiếp tục liên lạc qua Zalo

cho tài khoản “*Hoàng Long*” để tiếp tục làm giấy phép lái xe giả cho 22 người mà trước đó M đã gửi thông tin. M thống nhất với “*Hoàng Long*” giá làm giả 22 giấy phép lái xe là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), sau khi làm xong M sẽ nhận tại Bưu điện Chiềng Cang, huyện S, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La). Đến ngày 11/3/2025, nhân viên bưu điện Chiềng Cang thông báo cho M đến nhận hàng. M đến và nhận 01 bưu phẩm ghi người gửi là “*Shop Phường Anh*”, nội dung hàng trong bưu phẩm ghi “*Bản vẽ thiết kế, hàng thời trang*”. Sau khi nhận hàng và thanh toán 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho nhân viên Bưu điện xong, M mang về Phường Đ, tỉnh Điện Biên và liên lạc cho T đến nhận để đi giao cho người khác. Khoảng ngày 13/3/2025, T gặp và nhận từ M 22 giấy phép lái xe hạng A1 cùng hồ sơ. T chụp ảnh giấy phép lái xe và nhân tin, gọi điện thông báo cho những người đã có giấy phép lái xe để nhận. Khi nhận được hình ảnh và giấy phép lái xe, có 04 người bị sai thông tin gồm: Sùng A ì, Sùng A D1, Lầu Thị D3 và Vừ A T1 nên T giao lại hồ sơ cho M để liên hệ sửa thông tin và đổi lại giấy phép lái xe. T đã giao 08 giấy phép lái xe còn lại 10 giấy phép lái xe, T chưa giao được.

Đến ngày 24/3/2025, Lao Văn M đã đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Điện Biên để tự thú và giao nộp 05 giấy phép lái xe giả và 05 bộ hồ sơ kèm theo. Trước đó, M đã giao cho T 4.000.000đ để trả lại những người đã nộp tiền. T đã trả lại cho anh Giàng A D là người đã nộp tiền để đăng ký thay cho Lầu Thị thi giấy phép lái xe và Sùng Thị D1 mỗi người 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Lầu Thị D đã nộp cho T 2.800.000đ nhưng sau khi được nhận lại 2.000.000đ thì D không yêu cầu phải trả thêm nữa. Còn Sùng Thị D đã nộp cho T 2.860.000đ, sau khi được trả lại 2.000.000đ thì còn thiếu 860.000 đồng vẫn đề nghị trả số tiền còn thiếu.

Như vậy, Lao Văn M đã thực hiện hành vi cung cấp thông tin của bản thân M và 29 người khác để thuê làm giả 30 giấy phép lái xe hạng A1. Do đó, Lao Văn M phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cung cấp thông tin của 29 người để thuê làm giả 29 giấy phép lái xe hạng A1 của cơ quan, tổ chức. Vì Thị T đã giúp sức cho Lao Văn M trong việc thu thập thông tin, thu tiền, cung cấp thông tin của bản thân T và của 27 người khác (trừ M và chị Tòng Thị Hiên) để thuê làm giả 28 giấy phép lái xe hạng A1. Do đó, Vì Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi cung cấp thông tin của 27 người để thuê làm giả 27 giấy phép lái xe hạng A1 của cơ quan, tổ chức.

Trong số 30 người đã làm được giấy phép lái xe mà Lao Văn M và Vì Thị T đã cung cấp thông tin để làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức thì T và M đã thu được tổng số tiền 79.860.000 đồng, trong đó M thu được từ T, chị Vì Thị Biên và chị Tòng Thị Hiên số tiền 7.700.000 đồng, T thu được từ 26 người số tiền 72.160.000 đồng. Số tiền thu được T đã nộp cho M 70.200.000 đồng, giữ lại 1.960.000 đồng để chi tiêu. Trong tổng số tiền M đã nhận được là 77.900.000 đồng, M đã trả số tiền 27.000.000 đồng để thuê làm giả giấy tờ, tài liệu; chia cho Vì Thị T 2.900.000 đồng. Tổng số tiền Lao Văn M thu lợi bất chính do làm giả

giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức là 48.000.000 đồng còn Vì Thị T thu lợi bất chính số tiền 4.860.000 đồng. Toàn bộ số tiền thu được M và T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận giám định số 331/KL-KTHS ngày 22/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên 29 giấy phép lái xe gửi giám định là giấy phép lái xe giả.

Tại Cáo trạng số: 24/CT-VKSĐB-P1 ngày 16/01/2026 và Thông báo đình chính cáo trạng số 01/TB-VKSĐB-P1 ngày 05/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lao Văn M và Vì Thị T về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Lao Văn M phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025: đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù.

Tuyên bố bị cáo Vì Thị T phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025: đề nghị xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; vật chứng đề nghị xử lý theo quy định. Các bị cáo T phải chịu án phí theo quy định còn đề nghị miễn án phí cho bị cáo M.

Về trách nhiệm dân sự: Tại Cáo trạng thể hiện 39 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị trả lại số tiền đã nộp để làm bằng giả là 106.230.000 đồng. Sau khi kiểm tra, tính toán lại, đại diện viện kiểm sát đề nghị thay đổi lại số tiền những người liên quan yêu cầu trả lại là 106.190.000 đồng. Việc thay đổi lại số tiền trên là do tính toán sai số học.

Tuy nhiên tại phiên toà, bị cáo M tự nguyện chịu trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền trên cho những người liên quan vì trong quá trình phạm tội, bị cáo T thu tiền hộ M đã đưa cho bị cáo M chi tiêu hết. Còn bị cáo T nhất trí cho bị cáo M số tiền đã nộp thừa để khắc phục hậu quả là 2.870.000đ (Trong số 7.730.000đ mà Vì Thị T đã nộp tại Kho bạc Nhà nước khu vực X nộp lại số tiền thu lợi bất chính, có 4.860.000đ là tiền T thu lợi bất chính, còn thừa 2.870.000đ theo Giấy nộp tiền ngày 19/12/2025 của Vì Thị T nộp vào Kho bạc Nhà nước khu vực X). Các bị cáo nhất trí trả cho bà Lò Thị PH2 số tiền là 2.700.000đ và trả cho ông Cà Văn PH3 số tiền là 170.000đ. Bị cáo M còn phải trả 38 người liên quan theo bảng kê chi tiết.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính là 4.860.000đ trong tổng số 7.730.000đ mà Vì Thị T đã nộp tại Kho bạc Nhà nước X.

Các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và không có lời bào chữa nào. Tại phiên tòa, bị cáo M đề nghị miễn án phí hình sự cho bị cáo. Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Trong thời gian từ cuối tháng 02/2025 đến đầu tháng 03/2025, Lao Văn M đã gửi thông tin của 29 người, đề thuê người khác làm giả 29 giấy phép lái xe hạng A1 của cơ quan, tổ chức, thu lợi bất chính số tiền 48.000.000 đồng Vì Thị T khi biết Lao Văn M làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức đã giúp sức cho Lao Văn M để làm giả 27 giấy phép lái xe hạng A1 của cơ quan, tổ chức, thu lợi bất chính số tiền 4.860.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý giấy tờ, tài liệu, con dấu. Các bị cáo nhận thức được việc làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu không do cơ quan Nhà nước, tổ chức có thẩm quyền cấp là vi phạm pháp luật nhưng vì háo lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý. Các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên xác định hành vi phạm tội bị cáo Lao Văn M đủ yếu tố cấu thành "Tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025:

"1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm".

...3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Làm 06 con dấu tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên,"

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật,

[2] Về tính chất, mức độ tội phạm, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tính chất mức độ vai trò của từng bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành

chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có một mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo M là người khởi xướng cũng là người thực hành tích cực cùng với bị cáo T có vai trò giúp sức thu thập thông tin, thu tiền đưa cho M để làm giả giấy phép lái xe hạng A1.

Về nhân thân: Bị cáo Vì Thị T có nhân thân tốt, chưa bị Toà án nào xét xử, chưa bị cơ quan nào xử phạt vi phạm hành chính. Còn bị cáo Lao Văn M từng 02 lần bị Toà án xét xử về hành vi đánh bạc, tuy đến nay đã xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, coi thường pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo M: Bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo M đã tự thú về hành vi phạm tội của mình trước khi bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo còn có bố được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Bị cáo T: Bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện rõ thái độ ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 7.730.000 đồng gồm toàn bộ tiền thu lợi bất chính và một phần tiền để cho M trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo có ông nội được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng ba; bị cáo còn có 03 con nhỏ đều dưới 15 tuổi trong đó có 01 con mới gần 20 tháng tuổi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo M là người khởi xướng cũng là thực hành tích cực trong vụ án, phạm tội với số lượng làm giả giấy phép lái xe tương đối lớn, số tiền thu lợi bất chính so với bị cáo T cũng lớn hơn rất nhiều, bị cáo lại có nhân thân xấu nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo T có vai trò giúp sức trong vụ án, bị cáo chỉ được thu lợi bất chính với số tiền không lớn nhưng trong giai đoạn điều tra đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và 01 phần tiền cho bị cáo M để trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, tổng là 7.730.000đ. Bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, ngoài ra bị cáo còn 02 con nhỏ khác đều dưới 15 tuổi. Bị cáo có nhân thân tốt (không có tiền án, tiền sự), có nơi cư trú rõ ràng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không

có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, có khả năng cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người tốt, không làm ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025 thì ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo đều không có thu nhập ổn định, gia đình đông con, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự

Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS:

39 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan yêu cầu các bị cáo trả lại toàn bộ số tiền đã nhận để làm bằng giả là 106.190.000 đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, Lao Văn M tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền 106.190.000 đồng cho 39 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo T có ý kiến, bị cáo T đã nộp 7.730.000đ vào kho bạc Nhà nước khu vực X để nộp lại tiền bị cáo thu lợi bất chính nhưng trong đó chỉ có 4.860.000đ là tiền bị cáo thu lợi bất chính phải xử lý theo quy định, số tiền còn thừa là 2.870.000đ, bị cáo T nhất trí cho bị cáo M để trả cho 2 người liên quan là bà Lò Thị PH2 với số tiền là 2.700.000đ và ông Cà Văn Ph3 với số tiền là 170.000đ. Bị cáo M nhất trí với ý kiến của bị cáo T nên bị cáo M còn phải trả cho 38 người liên quan theo danh sách kèm theo bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[4] Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

Căn cứ điểm a, b Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động của Lao Văn M và 01 chiếc điện thoại di động của Vì Thị T là phương tiện phạm tội;

Tịch thu số tiền thu lợi bất chính của Vì Thị T đã nộp vào kho bạc Nhà nước khu vực X là 4.860.000đ.

29 giấy phép lái xe giả hạng A1 là tài liệu lưu hồ sơ vụ án.

Đối với 01 giấy phép lái xe của chị Tòng Thị H; 13 Bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; 13 đơn đề nghị học, sát hạch cấp giấy phép lái xe; 13 giấy khám sức khỏe. Do sau khi nhận được chị H và những người khác đã hủy hoặc vứt đi

nên không có căn cứ để truy tìm, tạm giữ để xử lý theo quy định.

Đối với 40 người đã nộp tiền và thông tin cho Lao Văn M và Vì Thị T để đăng ký, thi sát hạch giấy phép lái xe hạng A1. Do không biết M gửi thông tin để làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với Lao Văn M, Vì Thị T và 14 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, sau khi nhận được giấy phép lái xe giả, chưa sử dụng nên không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với 17 bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 17 đơn đề nghị học, sát hạch cấp giấy phép lái xe và 17 giấy khám sức khỏe đã tạm giữ được. Quá trình điều tra xác định, 17 bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe được tạo ra bằng phương pháp in phun màu. Bệnh viện giao thông vận tải cung cấp thông tin xác định Bệnh viện không có đơn vị “Giám định y khoa” nên con dấu được đóng vào chữ ký ông Nguyễn Văn Thìn trong 17 giấy khám sức khỏe mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ được, không phải là mẫu dấu của Bệnh viện cung cấp. Tuy nhiên, mục đích của Lao Văn M và Vì Thị T khi gửi thông tin, chỉ để thuê người khác làm giả giấy phép lái xe hạng A1; Trước khi nhận được giấy phép lái xe giả M và T không biết ngoài giấy phép lái xe giả còn có các tài liệu khác; hơn nữa đối với những người trực tiếp làm ra các tài liệu này để gửi cho M, quá trình điều tra không chứng minh được. Do đó, áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, không buộc M và T phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi làm giả các tài liệu này của cơ quan, tổ chức.

Đối với những người đã nhận thông tin từ Lao Văn M và làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Cơ quan An ninh điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không xác định được ai là người đã trực tiếp làm giả các tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do đó, không có căn cứ để xử lý theo quy định.

Đối với các cá nhân là nhân viên Bưu điện của Bưu điện Na Tông, Bưu điện Chiềng Cang và Bưu điện huyện Tiên Du. Khi nhận và giao các đơn hàng, không biết hàng bên trong là tài liệu giả. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý theo quy định.

Đối với thông tin của “Shop Phường Anh”, “Shop Thanh Phong” và các cá nhân đã đăng ký số căn cước công dân, số thuê bao di động, số tài khoản ngân hàng có liên quan đến “Shop Phường Anh”, “Shop Thanh Phong”. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra. Tuy nhiên, không đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội. Nên không đủ căn cứ để xử lý theo quy định.

Thời điểm nhận tiền và thông tin của 41 người để đăng ký và thi cấp giấy phép lái xe hạng A1, Lao Văn M không có mục đích chiếm đoạt tiền của những người đã nộp. Mục đích của M, đi nộp hồ sơ đăng ký học, thi sát hạch tại Trung tâm tiếp nhận hồ sơ và sát hạch lái xe hạng A1 Điện Biên để được hưởng tiền công và tiền chênh lệch. Do đó, hành vi của Lao Văn M không cấu thành “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[5] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo M là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo xin miễn án phí nên chấp nhận miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo theo Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Điện Biên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, tuyên bố bị cáo Lao Văn M và Vì Thị T phạm tội "Tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức"

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Lao Văn M 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 28/7/2025.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Vì Thị T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vì Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Đ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 125 BLTTHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Vì Thị T.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025:

Lao Văn M có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền 103.320.000 đồng cho 38 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền còn lại của Vì Thị T sau khi sung Ngân sách nhà nước là 2.870.000đ đang gửi tại Kho bạc Nhà nước X, trả cho bà Lò Thị Phong số tiền là 2.700.000đ và trả cho ông Cà Văn Phong với số tiền là 170.000đ (Có danh sách kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi của số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự, báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự biết: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính của Vì Thị T là 4.860.000đ trong tổng số 7.730.000đ mà Vì Thị T đã nộp tại Kho bạc Nhà nước khu vực X (Theo Giấy nộp tiền ngày 19/12/2025 của Vì Thị T nộp vào Kho bạc Nhà nước khu vực X)

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 02 điện thoại di động của Lao Văn M và 01 điện thoại di động của Vì Thị T.

Đối với 29 giấy phép lái xe giả là tài liệu chứng cứ nên lưu trong hồ sơ vụ án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19/01/2026 giữa Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Điện Biên và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Vì Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lao Văn M.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 18/6/2026). Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1- Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;
- Đội HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- CQ THAHS Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam M2;
- HS Thi hành án HS;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

(đã ký đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

Danh sách những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mà bị cáo Lao Văn M có trách nhiệm trả lại tiền (kèm theo Bản án hình sự số 106/2026/HS-ST ngày 18/6/2026)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền	Ghi chú
1	Vừ A C	Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
2	Sùng A D	Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
3	Mùa Thị M	Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.850.000	
4	Sùng A C4	Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
5	Sùng A C1	Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
6	Vừ A S	Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
7	Lý A L1	Thôn S2, xã X, tỉnh Điện Biên	2.850.000	
8	Sùng A L	Thôn X, xã X, tỉnh Điện Biên	2.800.000	
9	Lầu Thị D3	Thôn S2, xã X, tỉnh Điện Biên	2.800.000	
10	Sùng A L2	Thôn Xi, xã X, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
11	Sùng A PH	Thôn X, xã X, tỉnh Điện Biên	2.800.000	
12	Giàng A C2	Thôn H2, xã T4, tỉnh Điện Biên	2.500.000	
13	Lý A T1	Xã Huổi Sỏ, huyện Tủa Chùa nay là xã Tủa Thành, tỉnh Điện Biên	2.800.000	
14	Sùng A C1	Thôn H2, xã T4, tỉnh Điện Biên	2.800.000	
15	Lầu A C	Thôn H2, xã T4, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
16	Vừ A T3	Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên	2.860.000	

17	Giàng A B	Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
18	Vừ Thị K	Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
19	Vừ A D6	Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
20	Lò Thị Ph2	Bản K1, phường Đ, tỉnh Điện Biên	2.700.000	Kho bạc NN khu vực X trả cho Lò Thị Phong 2.700.000đ
21	Lò Thị X2	Bản K1, phường Đ, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
22	Vì Thị B1	Bản C, xã P, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
23	Lò Văn Ọ	Bản K1, phường Đ, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
24	Cà Văn Ph3	Phố 4, K2, Phường M2, tỉnh Điện Biên	2.700.000	Kho bạc NN khu vực X trả cho Cà Văn Phong 170.000đ; bị cáo M tiếp tục trả cho Cà Văn Phong 2.530.000đ
25	Giàng A C2	Thôn H2, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.800.000	
26	Lò Thị L3	K2, phường M2, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
27	Tòng Thị H1	Bản Hát Tao, xã N, tỉnh Điện Biên	2.700.000	
28	Sùng A X	Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
29	Sùng A S	Thôn C7, xã X, huyện T, nay là thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.500.000	
30	Giàng Thị D1	Thôn C7, xã X, huyện T, nay là thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.500.000	
31	Vừ Thị X (chồng Lầu A Tủ chuyển và	Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.860.000	

	liên hệ)			
32	Giàng Thị S	Thôn Đề Dê Hu 2, xã S, tỉnh Điện Biên	2.850.000	
33	Giàng Thị C7	Thôn C, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.900.000	
34	Vừ Thị D3	Thôn H2, xã T4, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
35	Sùng Thị D4	Thôn C7, xã S3, tỉnh Điện Biên	860.000	
36	Lý A G	Thôn S2, xã S3, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
37	Giàng Thị C7	Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
38	Vừ A D5	Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
39	Giàng A x1	Bản C8, xã M1, tỉnh Điện Biên	2.860.000	
Tổng: 39 người trong đó có Lò Thị Ph2 sẽ do Kho bạc khu vực X trả lại tiền, M có trách nhiệm trả lại cho 38 người còn lại.			106.190.000đ	Trong đó có số tiền T cho M là 2.870.000đ để trả cho Lò Thị PH2 và Cà Văn Ph3. Số tiền M phải trả lại là: 103.320.000đ

Số: /TB-TA

Điện Biên, ngày 21 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ vào Điều 261; khoản 2 Điều 365 Bộ luật tố tụng hình sự;
Xét thấy Bản án số 106/2026/HS-ST ngày 18/06/2026 đối với bị cáo Lao Văn M và Vì Thị T của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên có lỗi chính tả nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

VỀ NỘI DUNG:

1. Tại trang 08 dòng thứ 19 từ dưới lên của Bản án nêu trên đã ghi: “Điều 17; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025”

2. Tại trang 13 dòng thứ 08 từ dưới lên của Bản án nêu trên đã ghi: “Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Vì Thị T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vì Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. ”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Vì Thị T 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Vì Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Điện Biên Phủ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.”

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1- Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;
- Đội HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- CQ THAHS Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam Mường Thanh;
- HS Thi hành án HS;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà

